

CÔNG TY CỔ PHẦN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XI MĂNG PHÚ THỌ Độc lập- Tự do- Hạnh phúc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Năm báo cáo: 2019

Hồ sơ gồm:

1. Báo cáo thường niên năm 2019
2. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2019
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
4. Báo cáo tài chính năm 2019

Thanh Ba, Tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Năm báo cáo: 2019

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin khái quát.

- Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
- Tên Tiếng Anh: PHU THO CEMENT JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính : Khu 12, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Điện thoại : 0210 3885 310
- Fax : 0210 3884 023
- Website: ximangphutho.com.vn



- Logo:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc;
- Giấy Chứng nhận ĐKKD: Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2600116271 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 02 năm 2013

Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Vốn điều lệ đăng ký: 125.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 125.000.000.000 đồng

- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 12.500.000 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.
- Mã chứng khoán: PTE
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của công ty (nếu có): không.

2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Việc thành lập: Tiền thân là Nhà máy xi măng Đào Giã được thành lập theo Quyết định số 144/1967/QĐ – TC ngày 29/09/1967 của UBND tỉnh Vĩnh Phú. Sau hơn 50 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Nhà máy đã cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước và chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, lấy tên Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ từ ngày 14/2/2007 cho đến nay.
- Niêm yết: Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang đăng ký giao dịch trên sàn UpCom - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

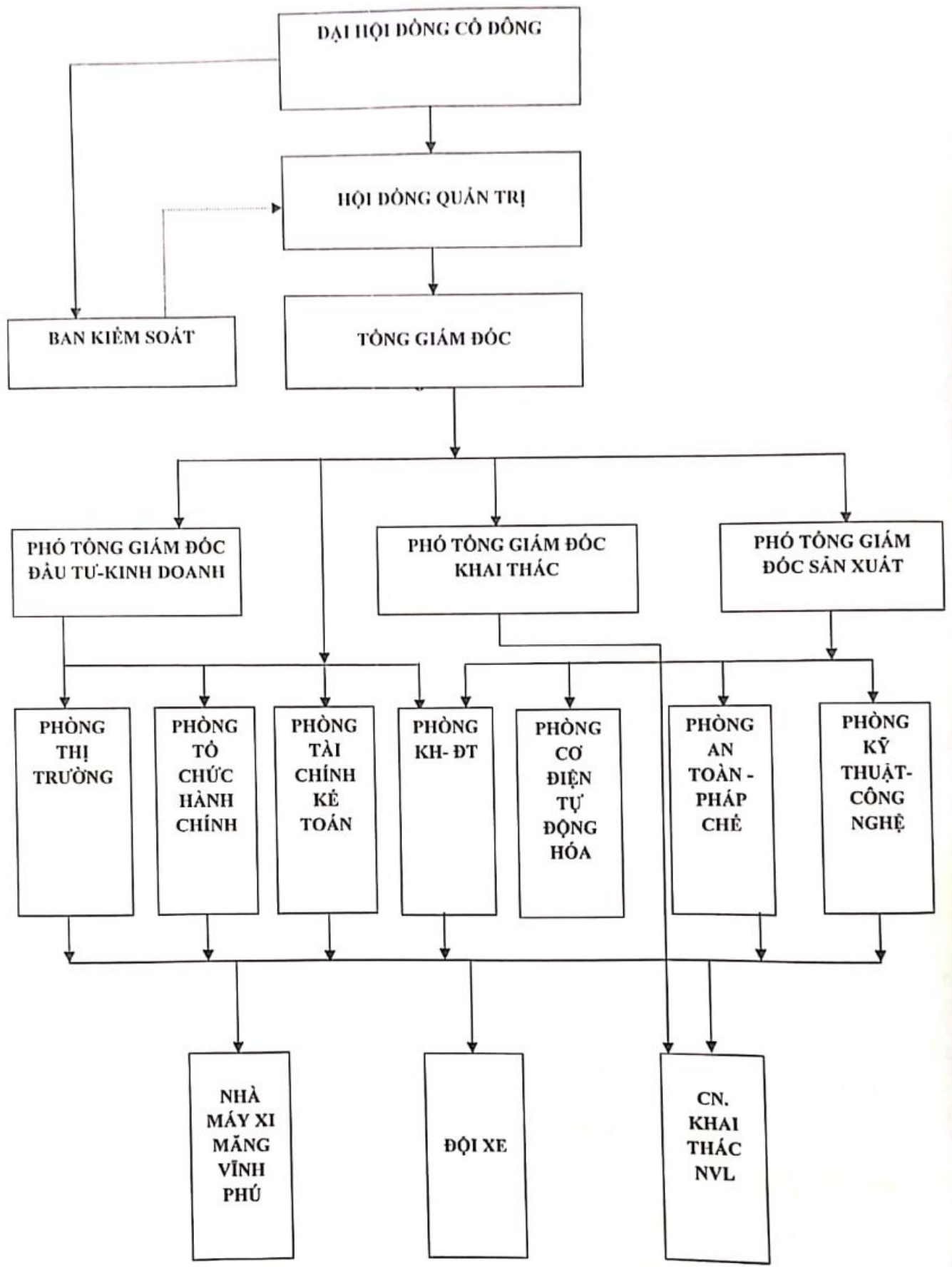
Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh xi măng PCB-40, PCB-30; Clinker thương phẩm.
- Khai thác kinh doanh đá xây dựng, đá giao thông.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng khác.
- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thuỷ lợi.
- Chuẩn bị mặt bằng xây dựng.
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đường bộ.

Địa bàn kinh doanh: Thị trường tiêu thụ xi măng Vĩnh Phú được xác định là các tỉnh phía Bắc trong đó trọng điểm là tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận như Vĩnh Phúc, Lào Cai, Sơn La... Hiện nay, hệ thống các nhà phân phối, các đại lý bao tiêu sản phẩm tại các địa phương này đã được thiết lập và sẵn sàng cho công tác tiêu thụ sản phẩm.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .

- Mô hình quản trị: Bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ được tổ chức theo mô hình chức năng. Đây là mô hình tiên tiến được rất nhiều các doanh nghiệp áp dụng. Theo đó, những nhiệm vụ quản trị cụ thể được giao cho các đơn vị riêng biệt theo các chức năng quản trị và hình thành nên những người lãnh đạo được chuyên môn hóa trong các lĩnh vực cụ thể đó. Ưu điểm của mô hình này là: thu hút được các chuyên gia vào công tác lãnh đạo, việc giải quyết các vấn đề chuyên môn trở nên thành thạo và nhanh chóng hơn, đồng thời giảm bớt gánh nặng về quản trị cho Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty như sau:



Sơ đồ 1.1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Xi măng Phú Thọ

- Các đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh khai thác NVL: Khu 9, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Các đơn vị liên doanh, liên kết:

✓ Công ty cổ phần xi măng Sông Thao

Địa chỉ: Ninh Dân - Thanh Ba - Phú Thọ.

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất xi măng

Mức vốn đầu tư là 3.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ tại Công ty cổ phần xi măng Sông Thao là 0,469%

5. Định hướng phát triển của Công ty

5.1. Mục tiêu phát triển trong năm 2019.

Xác định năm 2019 tiếp tục là một năm còn nhiều khó khăn đối với ngành xi măng nói chung và Công ty cổ phần xi măng nói riêng. Đây thực sự là một thách thức lớn đặt ra cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty, đòi hỏi CNCNV phải toàn tâm, toàn trí nâng cao tinh thần đoàn kết vượt khó tạo đà để thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Mục tiêu đặt ra là:

a. Chiến lược về sản phẩm:

- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Có chiến lược dự trữ nguyên liệu, thành phẩm hợp lý, khoa học nhằm giảm chi phí hàng tồn kho. Lựa chọn các nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị để nâng cao độ bền và tuổi thọ của máy móc, thiết bị.
- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.
- Nghiên cứu thử nghiệm các loại phụ gia mới có giá thành rẻ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật đưa vào sử dụng.
- Nâng cao năng suất lao động và ổn định chất lượng sản phẩm. Tiết kiệm triệt để chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm.

- Ổn định đà phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm của Công ty trở thành một thương hiệu mạnh

b. Chiến lược đầu tư công nghệ:

- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

c. Chiến lược tài chính:

- Chủ động công bố minh bạch thông tin, cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính.
- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp, cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.
- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

d. Chiến lược nhân sự:

- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất.
- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên chức trong Công ty.
- Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật có năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi và lành nghề.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Công ty lựa chọn lộ trình hợp lý để triển khai thực hiện đầu tư các dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Phấn đấu phát triển mạnh thương hiệu xi măng Vĩnh Phú theo các tiêu chí:
 - + *Chất lượng cao và ổn định.*
 - + *Giá cả cạnh tranh.*
 - + *Thị phần lớn.*

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Duy trì sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.
- Nghiên cứu chuyển đổi, mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh, sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường phù hợp với chủ trương của Nhà nước.
- Chú trọng đến công tác xử lý chất thải và vệ sinh công nghiệp, đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp trong Công ty cũng như với các khu dân cư lân cận.

6. Các rủi ro:

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	238.330.007	15.448.007.059
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.710.085.740	27.818.348.256
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.075.587.519	983.121.162
Cộng	35.024.003.266	44.249.476.477

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	163.567.876.033	93.958.052.833		257.525.928.866
Phải trả người bán, phải trả khác	252.243.613.579			252.243.613.579
Chi phí phải trả	51.019.621.229			51.019.621.229
Cộng	466.831.110.841	93.958.052.833	-	560.789.163.674
Số đầu năm				
Vay và nợ	124.578.508.190	136.977.809.622		248.899.591.281
Phải trả người bán, phải trả khác	236.799.906.945			237.869.234.609
Chi phí phải trả	42.865.585.078			42.865.585.078
Cộng	404.244.000.213	136.977.809.622	-	541.221.809.835

Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	373,49	386,69
Vay và nợ	(5.158.684,02)	(5.162.941,17)
Phải trả người bán	(152.035,46)	(152.035,46)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(5.310.719,48)	(5.314.976,63)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.361.145.881 VND (năm trước giảm/tăng 2.148.139.973 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019, tổng doanh thu của Công ty là: 225.576.104.190 đồng đạt 76,23% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính là 225.418.429.839 đồng chiếm 99,93% tổng doanh thu.

Tại thời điểm 31/12/2019:

- Tổng tài sản của Công ty là 459.403.693.772 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 84.097.025.234 đồng và tài sản dài hạn là 375.306.668.358 đồng.
- Tổng nguồn vốn của Công ty 459.403.693.772 đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là (141.768.441.783) đồng và nợ phải trả là 601.172.135.555 đồng.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% hoàn thành
I. Chỉ tiêu hiện vật				
1. Xi măng sản xuất các loại	tấn	280.000	236.492,5	84,46
2. Xi măng tiêu thụ các loại	tấn	280.000	245.037,77	87,51
3. Clinker thương phẩm	tấn	59.712	13.125,17	21,98
II. Chỉ tiêu tài chính				
1. Tổng doanh thu	đồng	295.896.000.000	225.576.104.190	76,23
- D.thu bán hàng, cung cấp Dịch vụ	đồng	295.896.000.000	225.418.429.839	76,19
- D.thu tài chính và hoạt động khác	đồng		157.674.351	
2. Tổng chi phí	đồng	303.571.000.000	290.324.253.357	95,64
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	(7.675.000.000)	(64.748.149.167)	
4. Lợi nhuận sau thuế	đồng	(7.675.000.000)	(64.748.149.167)	

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Danh sách Ban giám đốc Công ty và cán bộ quản lý các phòng ban tại thời điểm ngày 31/12/2019.

<p>Triệu Quang Thuận Sinh năm: 29/02/1964 Quê quán: Xã Sơn Vi - Huyện Lâm Thao - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc Công ty.</p>	<p>Trần Thị Phương Linh Sinh năm: 26/05/1969 Quê quán: Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty</p>
<p>Trần Tuấn Đạt Sinh năm: 08/08/1973 Quê quán: Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Ủy viên HĐQT</p>	<p>Nguyễn Xuân Sơn Sinh năm: 12/1960 Quê quán: Đào Giã - Thanh Ba- Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Phụ trách phòng KH – ĐT</p>
<p>Nguyễn Khắc Tuấn Sinh năm: 01/05/1970 Quê quán: Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Quyền Trưởng phòng Kế hoạch- Đầu tư</p>	<p>Phạm Mạnh Cường Sinh năm: 28/11/1969 Quê quán: Huyện Tứ Lộc – Tỉnh Hải Dương Chức vụ: Trưởng phòng An toàn - Pháp chế - Thi đua</p>
<p>Vũ Anh Phương Sinh năm: 02/09/1972 Quê quán: Vân Cờ- Việt Trì - Phú Thọ Chức vụ: Trưởng phòng TC-KT</p>	<p>Bùi Hữu Văn Sinh năm: 07/04/1981 Quê quán: Ninh Dân – Thanh Ba – Phú Thọ Chức vụ: Quyền Trưởng phòng TC-HC</p>

<p><i>Bùi Thị Thủy</i> Sinh năm: 01/05/1985 Quê quán: xã Sơn Vi-huyện Lâm Thao- Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó phòng phụ trách phòng KT-CN</p>	<p><i>Kiều Đức Phương</i> Sinh năm: 05/04/1987 Quê quán: Xã Đông Lĩnh - Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó phòng phụ trách phòng thị trường</p>
<p><i>Vũ Văn Nghiệp</i> Sinh năm: 04/01/1989 Quê quán: Xã Thanh Xá - Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Quyền trưởng phòng Cơ điện-Tự động hóa</p>	<p><i>Nguyễn Phi Tuyên</i> Sinh năm: 01/09/1968 Quê quán: Vụ Cầu -Thanh Ba - Phú Thọ Giám đốc Nhà máy xi măng Vĩnh Phú</p>
<p><i>Nguyễn Quý Thăng</i> Sinh năm: 29/03/1981 Quê quán: Ninh Dân -Thanh Ba - Phú Thọ Chức vụ: Giám đốc chi nhánh KTNVL</p>	

– Nhưng thay đổi của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Khắc Lâm	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Phạm Quang Anh	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Trần Tuấn Đạt	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Thành Phú	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Tạ Đức Thiệm	Trưởng ban	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên		

2.2. Số lượng lao động và chính sách đối với người lao động:

- Tình hình biến động lao động trong năm 2019: Đầu năm: 218 người
Cuối năm: 255 người
- Chính sách đối với người lao động:
 - + Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho cán bộ CNV trong công ty.
 - + Cử cán bộ công nhân viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn.
 - + Bố trí, sắp xếp lao động làm việc theo đúng ngành nghề, phù hợp với sức khỏe của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a. Các khoản đầu tư XD/CB trong năm 2019:

Sau khi bàn giao và đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày (cuối năm 2012) và dây chuyền nghiền xi măng công suất 65T/h (đầu năm 2013) thì trong năm 2019; Công ty tập trung vào thực hiện đầu tư xây dựng bổ sung một số công trình, hạng mục phụ trợ bao gồm: Mở rộng mỏ đá vôi, hỗ trợ -bồi thường giải phóng mặt bằng khu tái định cư thực hiện: 348 triệu đồng; sửa chữa gạch chịu lửa, bê tông chịu nhiệt giá trị 7.565 triệu đồng; sửa chữa xây dựng cơ bản khác giá trị trên 59 triệu đồng.

b. Tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần xi măng Sông Thao:

Dvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng tài sản	1.197.993		
Doanh thu thuần	916.349		
Lợi nhuận sau thuế	19.707		

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	459.403.693.772	492.975.426.126	↓ 6,81%
Doanh thu thuần	223.005.066.768	247.894.046.060	↓ 10,04%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-60.019.019.850	-35.284.593.760	↓ 70,1%
Lợi nhuận khác	-4.729.129.317	-230.681.446	↓ 1.950,07%
Lợi nhuận trước thuế	-64.748.149.167	-35.515.275.206	↓ 82,31%
Lợi nhuận sau thuế	-64.748.149.167	-35.515.275.206	↓ 82,31%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,23	0,17	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,12	0,08	

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1,15	1,31	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-7,54	-4,24	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	5,18	5,28	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,5	0,49	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	-0,14	-0,29	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,47	0,46	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,07	-0,14	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,07	-0,13	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.500.000 cổ phần;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.500.000 cổ phần;

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông được phân chia theo theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân.

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Triệu Quốc Hoàn	10.013.500.000	8,01
Ông Trần Tuấn Đạt	8.845.000.000	7,08
Ông Triệu Quang Thuận	6.919.500.000	5,54
Các cổ đông khác	99.222.000.000	79,37
Tổng cộng	125.000.000.000	100,00

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác. Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

a. *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* Đã trình bày tại biểu tình hình thực hiện so với kế hoạch (Mục 1 - Phần II).

b. *Đánh giá tổng quát:*

Từ năm 2013 đến hết năm 2018, sản lượng xi măng tiêu thụ xi măng của Công ty tăng lên đáng kể nhưng có xu hướng giảm, năm 2014 tăng so với năm 2013 là 43,64%, năm 2015 tăng so với năm 2014 là 0,89%, năm 2016 giảm so với năm 2015 là 7,62% , năm 2017 giảm so với năm 2016 là 10.41 %, năm 2018 tương đương so với năm 2017, đến năm năm 2019 hoàn thành so với kế hoạch là 87,51 % tương đương giảm so với năm 2018 là 9,29%. Sản lượng tiêu thụ trong năm 2019 sụt giảm như vậy là do Dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày và Dây chuyền nghiền xi măng công suất 65tấn/h liên tục gặp sự cố cả về yếu tố chủ quan và khách quan, dẫn đến tình

trạng hoạt động không ổn định, kém hiệu quả, không phát huy được hết công suất của thiết bị. Tuy nhiên, bộ phận cán bộ công nhân viên Nhà máy vận hành trực tiếp dây chuyền sản xuất Clinker lò quay với hệ thống máy móc tiên tiến, hiện đại bước đầu đã làm chủ được công nghệ, rút ra được nhiều kinh nghiệm trong quá trình vận hành Nhà máy. Chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao, sản phẩm của Công ty ngày càng có uy tín trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng.

Bên cạnh đó, trong 6 năm trở lại đây, được sự quan tâm và tin tưởng của UBND Tỉnh và các cấp chính quyền địa phương, hầu hết các công trình giao thông nông thôn trọng điểm có vốn Nhà nước đều do Công ty CP xi măng Phú Thọ cung ứng xi măng. Điều này có tầm ảnh hưởng rất lớn đến vị thế của Công ty trên thị trường. Chất lượng xi măng đảm bảo, khả năng cung ứng nhanh, kịp thời, giá cả hợp lý đã giúp thương hiệu Xi măng Vĩnh Phú chiếm được niềm tin của đại đa số người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Nhưng nhìn vào bảng so sánh có thể thấy các chỉ tiêu về tiêu thụ xi măng rời, clinker thương phẩm, doanh thu, chi phí,... đều không hoàn thành so với kế hoạch đặt ra. Nguyên nhân khách quan chủ yếu là do: trong năm 2019 vẫn còn là năm khó khăn đối với ngành sản xuất xi măng, thị trường xi măng ứ đọng nhiều, sản lượng tiêu thụ tăng chưa cao, thị trường nguyên - nhiên vật liệu đầu vào tăng mạnh như giá than, giá điện, giá xăng dầu và giá các vật tư vật liệu khác làm cho giá thành sản xuất xi măng tăng. Mặt khác do tính chất cạnh tranh gay gắt của thị trường, việc xuất hiện các sản phẩm xi măng cùng loại đã cạnh tranh với sản phẩm của Công ty nên giá bán sản phẩm tăng không đáng kể. Nguyên nhân chủ quan là do: máy móc, thiết bị để ngoài trời trên 2 năm, lắp gá trên 1 năm không được che đậy dẫn tới hư hỏng phải thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng nhiều. Trong năm 2019, Nhà máy phải nhiều lần dừng lò nên chi phí bảo dưỡng, thay thế tăng cao. Ngoài ra, Công ty chưa mở rộng được ngành nghề sản xuất kinh doanh, cán bộ tiêu thụ chưa năng động, chưa bám sát thị trường, doanh thu thu được chủ yếu là từ tiêu thụ sản phẩm xi măng, chưa tìm được thị

trường tiêu thụ cho clinker lò quay và các sản phẩm xi măng rời(do giá bán của các sản phẩm này chưa bù đắp giá thành sản xuất).

2. Tình hình tài chính.

Qua các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2019 giảm so với năm 2018 và đều ở mức thấp (đều nhỏ hơn 1) điều này có nghĩa các khoản nợ phải trả chưa có tài sản đảm bảo và không được đảm bảo thanh toán nợ khi đến hạn.

Qua các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu vốn, chúng ta có thể nhận thấy trong tổng số tài sản mà công ty đang nắm giữ đến 31/12/2019 có đến 131 % (năm 2018 là 115%) số tài sản được hình thành từ các khoản nợ, điều chứng tỏ tính tự chủ không cao về mặt tài chính của Công ty.

Hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty năm 2019 tương đương năm 2018. Nếu như năm 2018 cứ mỗi đồng tài sản thì tạo ra cho Công ty 0,5 đồng doanh thu thì sang đến năm 2019 chỉ tạo ra được 0,49 đồng doanh thu. Bên cạnh đó vòng quay hàng tồn kho tăng từ 5,18 năm 2018 lên 5,28 năm 2019, điều đó chứng tỏ hàng tồn kho của Công ty bị ứ đọng nhiều hơn năm 2018, sản phẩm sản xuất ra tiêu thụ được nhưng còn chậm, hiệu quả sử dụng vốn không cao.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Năm 2019 là năm Công ty gặp phải nhiều khó khăn, tuy thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty không bị thu hẹp. Tuy nhiên sản xuất trong năm 2019 không ổn định, Dây chuyền sản xuất liên tục gặp sự cố dẫn đến năng suất sản xuất sụt giảm, ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 tăng lỗ so với năm 2018. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động và tìm các biện pháp tháo gỡ nhằm đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động. Giải pháp mà Công ty đã thực hiện đó là:

- Ổn định sản xuất trên dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1200 tấn clinker/ngày.

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức gọn nhẹ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, rà soát lại lực lượng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động đối với những người không bố trí được việc làm, thực hiện chi trả chế độ theo đúng quy định.
- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ trong sản xuất nghiền xi măng để điều chỉnh giảm chi phí nguyên vật liệu chính nhằm giảm giá thành sản phẩm
- Sửa chữa, cải tiến dây chuyền nghiền xi măng công suất 65 tấn/giờ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của xi măng sản xuất.
- Ổn định, củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ các loại sản phẩm xi măng. Tập trung tìm kiếm thị trường tiêu thụ các sản phẩm khác như xi măng bột PCB40, xi măng bột PCB30 và clinker lò quay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Đã trình bày tại Định hướng phát triển của Công ty (Mục 5 - Phần I)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Mặc dù năm 2019, nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, nhiều nhà máy xi măng trong cả nước không tránh khỏi tình trạng cung vượt cầu. Tuy nhiên, với những lợi thế nhất định về công nghệ, về kinh nghiệm quản lý và vận hành sản xuất, Công ty vẫn đạt được những thành công đáng kể như đã đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1200 tấn clinker/ngày, sản xuất sản phẩm dần đi vào ổn định, năng suất xuất và tiêu thụ các loại sản phẩm xi măng tăng lên đáng kể. Sản phẩm xi măng Vĩnh Phú đã được thị trường đón nhận và được sử dụng ở hầu hết các công trình lớn như tại các công trình giao thông, hạ tầng cơ sở, các tòa nhà cao tầng trong khu vực, trong đó khai thác được nhiều thị trường mới tại các tỉnh thành như: Hà Giang, Lào Cai- Yên Bái, Sơn La.

Tuy nhiên, trong năm 2019, các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí, ... đều không đạt được so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do:

- Giá cả các nguyên vật liệu đầu vào tăng như giá điện, giá xăng dầu, giá than, lương tối thiểu làm tăng giá thành sản phẩm.
- Trên thị trường xuất hiện nhiều loại sản phẩm xi măng công nghệ lò quay bằng hoặc chênh lệch rất ít so với giá bán của xi măng Vinh Phú dẫn đến việc cạnh tranh thị trường tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn.
- Chưa mở rộng được ngành nghề sản xuất kinh doanh. Do vậy, doanh thu chủ yếu phụ thuộc vào hoạt động sản xuất và tiêu thụ xi măng.
- Cán bộ thị trường chưa năng động, chưa bám sát thị trường nên mặc dù lượng xi măng tiêu thụ có tăng nhưng không đáng kể. Bên cạnh đó, với thế mạnh về dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1200 tấn clinker/ngày, lượng clinker chất lượng tốt sản xuất ra không những đáp ứng đủ cho sản xuất mà còn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, tuy nhiên việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ clinker vẫn chưa được cán bộ thị trường chú trọng.
- Trong năm 2019, Dây chuyền sản xuất công ty liên tục gặp sự cố dẫn đến hỏng hóc cần sửa chữa trong thời gian dài nên năng suất sản xuất giảm, giá thành tăng cao. Ngoài ra mỏ đá sét, đá cao silic không thể khai thác nên Công ty phải mua ngoài manh mún với giá cao.
- Công ty chưa vay được vốn lưu động nên không chủ động được sản xuất.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết các cuộc họp hoặc báo cáo bất thường khi có yêu cầu.

Để tiếp tục điều hành tốt hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã họp, phân công rõ trách nhiệm theo dõi, điều hành từng lĩnh vực cho các thành viên trong Ban Giám đốc.

Trong quá trình thực hiện chỉ đạo sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc đã cố gắng tìm mọi biện pháp thay đổi, cải tiến công nghệ sản xuất để giảm chi phí sản

xuất và hạ giá thành sản phẩm. Công tác nghiên cứu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng được Ban giám đốc đặc biệt chú trọng, điển hình là nhiều hợp đồng cung cấp xi măng cho các công trình giao thông nông thôn trọng điểm đã được Công ty ký kết thực hiện. Việc đôn đốc thu hồi công nợ được Ban giám đốc hết sức lưu ý.

Các cán bộ quản lý của Công ty cơ bản có năng lực tốt, nhiệt tình trong công tác và luôn nghiêm túc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu Ban giám đốc phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

3.1. Mục tiêu, định hướng.

Lấy sản xuất kinh doanh xi măng là ngành chính, lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ, khẳng định vững chắc thương hiệu "*Xi măng Vĩnh Phú*".

3.2. Giải pháp thực hiện.

a. Giải pháp về tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành.

- Đối với công tác sản xuất:

- + Quản lý chất lượng kỹ thuật; giám sát kiểm tra chất lượng, khối lượng nguyên nhiên vật liệu đầu vào; phân tích, điều chỉnh, ổn định cấp phối đầu vào máy nghiền xi măng để đảm bảo chất lượng xi măng theo quy định, nâng cao năng suất máy nghiền xi măng đảm bảo giảm tiêu hao nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm.
- + Theo dõi tình hình biến động giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất. Tìm kiếm và lựa chọn các nhà cung cấp nguyên liệu có chất lượng tốt mà giá cả hợp lý.

- + Các vị trí sản xuất thực hiện vận hành thiết bị dây chuyền phải theo đúng quy trình, quy phạm, phát huy tối đa năng suất của thiết bị.
- + Tăng cường công tác quản lý các khâu nhập nguyên vật liệu.
- + Một trong những khó khăn lớn nhất của Công ty hiện nay đó là chưa tìm được biện pháp tối ưu nhất để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường. Bên cạnh nguyên nhân chính đó là thiếu vốn lưu động hậu giai đoạn đầu tư dẫn đến thiếu chủ động trong vấn đề nguyên liệu cho sản xuất, thì một trong nguyên nhân quan trọng không kém đó là kiểm soát tiêu hao. Mặc dù Nhà máy được đưa vào vận hành sau hơn 2 năm thiết bị để ngoài trời làm giảm tương đối công suất thiết kế ban đầu do các tác động lý hóa của môi trường, khí hậu. Nhưng Công ty đã đầu tư thêm công nghệ, thiết bị để giảm tiêu hao than; đã có thể kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào nhưng nếu không kiểm soát được các vật tư phụ, tiêu hao điện năng, chi phí sửa chữa,... thì mọi nỗ lực khắc phục khó khăn trước đó sẽ không đem lại hiệu quả, thậm trí càng đầu tư càng mất vốn. Như chúng ta đã biết, nguyên nhân hàng đầu khiến cho hệ thống máy móc sản xuất hư hỏng là do không được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng thiết bị sản xuất và lấy đó là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu nhằm tránh những tổn thất lớn về kinh tế, giảm lãng phí thời gian và chi phí sửa chữa. Do vậy Nhà máy Xi măng Vĩnh Phú cùng với phòng KH-ĐT, phòng KT-CN trên cơ sở đặc điểm cấu tạo, quy trình vận hành của máy móc thiết bị phải xây dựng định mức tiêu hao vật tư, từ đó có kế hoạch sửa chữa máy móc thiết bị cho phù hợp.

- Đối với công tác quản lý, điều hành:

- + Bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý nội bộ và chế độ tiền lương phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Đảm bảo phát huy cao nhất sức sáng tạo, chủ động của tập thể, cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định đảm bảo công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty theo

phương pháp quản lý và điều hành tiên tiến, phân cấp triệt để nhằm phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- + Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp nhằm tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu sản xuất để đảm bảo tăng thu nhập và thu hút lực lượng lao động có chuyên môn giỏi, tay nghề cao.
- + Việc duy trì các buổi Hội thảo về Khoa học- kỹ thuật thường xuyên cho cán bộ, công nhân lao động cũng là cơ hội tốt để mọi người trao đổi kinh nghiệm. Do quy trình sản xuất được chia thành nhiều công đoạn, mỗi công đoạn lại có thể có nhiều người cùng phối hợp làm việc, mỗi người lại theo dõi sản xuất, theo dõi sự vận hành thiết bị ở những địa điểm khác nhau, thông qua tra đổi kinh nghiệm, hội thảo kỹ thuật sẽ được kiến thức vận hành hoàn thiện hơn cho dây chuyền; bổ sung những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu từ đó nâng cao tay nghề lao động, nâng cao hiệu quả làm việc nhóm.

b. Giải pháp về phát triển nguồn lực con người.

Bên cạnh vấn đề về sản xuất thì nguồn lực con người cũng là khó khăn không nhỏ. Công ty hiện nay đang thiếu các kỹ sư có tay nghề giỏi, thiếu những lao động có tâm huyết, muốn gắn bó lâu dài với Nhà máy. Để khắc phục vấn đề này, các giải pháp cần làm ngay là:

- Xây dựng quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn đặc biệt là lực lượng cán bộ trẻ, áp dụng nhiều hình thức đào tạo, chú trọng đào tạo tại chỗ
- Đào tạo, bồi dưỡng trình độ, năng lực quản lý, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, đạo đức, tác phong lãnh đạo.
- Tập trung tuyển dụng, đào tạo lao động ở vị trí thiếu, vị trí khó; tránh tuyển dụng, đào tạo tràn lan những chuyên ngành không cần thiết, không thiếu dẫn đến không bố trí được công việc đúng chuyên ngành, làm cho người lao động lúng túng khi làm việc, chán nản, mất thời gian mà không nâng cao được hiệu quả làm việc.

- Xây dựng chế độ lương, chế độ thưởng, chế độ bảo hiểm và phúc lợi xã hội hợp lý, phù hợp với các quy định của Pháp luật và điều kiện của Công ty vừa để kích thích tuyển dụng được lao động các trình độ cao vừa để khuyến khích người lao động đang công tác yên tâm làm việc, cống hiến.

c. Giải pháp về đầu tư phát triển:

- Tiếp tục đầu tư, phát triển, hoàn thiện và nâng cấp dây chuyền nghiên xi măng công suất 65 tấn/giờ nhằm ổn định sức sản xuất.

d. Giải pháp về phát triển thị trường:

- Để mở rộng thị trường Công ty cần phải kết hợp với các nhà phân phối để tiến hành chiến lược phát triển mới cho việc tiêu thụ xi măng như: Mở rộng chi nhánh phân phối ở các địa phương, đi kèm với chiến lược là hỗ trợ cước vận chuyển, thưởng kích cầu ở các mức khác nhau. Chính những hoạt động của các nhà phân phối này giúp thực hiện chiến lược đúng hướng nhằm huy động tối đa các nguồn lực đồng thời đáp ứng thỏa mãn nhu cầu kinh doanh cho các đại lý cấp 2,3 và người tiêu dùng cuối cùng góp phần giúp cho Công ty tăng uy tín và tăng thị phần tạo đà cho sự phát triển, góp phần phát triển thương mại sản phẩm về mặt quy mô. Đối với các vùng thị trường còn mới như Thanh Sơn, Tân Sơn, Thanh Thủy, ở đó người tiêu dùng còn hiểu biết hạn chế đối với sản phẩm xi măng Vĩnh Phú; Công ty cần phối hợp hơn nữa với nhà phân phối tăng cường các chính sách kích cầu, quảng bá rộng rãi hơn sản phẩm của Công ty tại các địa bàn này.
- Nghiên cứu, phân tích thị trường từng khu vực các sản phẩm xi măng để đưa ra giá bán xi măng phù hợp tại từng thời điểm. Để thực hiện tốt quá trình nghiên cứu thị trường DN cần thu thập thường xuyên các thông tin phản hồi của các hàng sau khi sử dụng sản phẩm xi măng của công ty. Đồng thời phát phiếu điều tra phỏng vấn cho các nhà phân phối của Công ty, từ đó có cách nhìn khách quan nhất đối với tình hình tiêu thụ sản phẩm xi măng trong giai đoạn hiện nay và có những chính sách hợp lý trong thời gian tới.

- Xây dựng chính sách bán hàng và hậu mãi sau bán hàng hợp lý nhằm giữ vững các thị trường tiêu thụ chính và mở rộng, phát triển các thị trường tiềm năng.
- Nghiên cứu, tìm kiếm, tiếp cận và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng bột và clinker lò quay.
- Trong quá trình phát triển thương mại sản phẩm xi măng trên thị trường thì vấn đề hoàn thiện bộ máy kinh doanh đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên do hệ thống quản lý còn yếu kém dẫn đến việc đối chiếu, thu hồi tiền từ khách hàng lẻ hàng tháng còn chậm. Để tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh, Công ty cần tiến hành rà soát bố trí lao động hợp lý, chuyên môn hóa trong từng bộ phận, đảm bảo cán bộ thị trường phải có những kiến thức cơ bản về xi măng. Nâng cao kỷ luật lao động, thực hiện chế độ tiền lương phù hợp với từng thành phần. Liên tục kiểm tra bộ phận phát triển thị trường.

e. Giải pháp phát triển nguồn lực tài chính.

- + Quản lý tốt các nguồn lực tài chính cũng như các khoản chi phí.
- + Tăng cường công tác thu hồi công nợ, không để nợ dây dưa và nợ khó đòi.
- + Xây dựng chiến lược huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư và sản xuất.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

- a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Đã trình bày tại mục 2.1 - Phần II.
- b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.
- c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:
 - Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành được 20 cuộc họp và xin ý kiến các thành viên HĐQT.
 - Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban giám đốc:
 Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT sẽ tiến xem xét những kết quả đạt được và

chưa đạt được, những giải pháp điều chỉnh phù hợp để đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

- Về công tác quản lý Công ty:
 - + Để quản lý Công ty theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, căn cứ vào các tờ trình, Hội đồng quản trị đã kịp thời xem xét, giải quyết, xây dựng các Nghị quyết về các vấn đề quản lý, điều hành Công ty.
 - + Hội đồng quản trị đã thực hiện và duy trì chế độ họp định kỳ và đột xuất để kịp thời giải quyết, chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động SXKD theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: 02 thành viên.
- e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có
- f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

2. Ban Kiểm soát.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Đã trình bày tại mục 2.1 - Phần II

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát Công ty trên các mặt sau:

- Theo dõi giám sát công việc thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, bao gồm: công tác đầu tư xây dựng cơ bản nội bộ, quyết toán Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng là quay công suất tối đa 1.200 tấn Clinker/ngày.
- Giám sát toàn bộ hoạt động liên quan đến quyền lợi người lao động, khen thưởng, kỷ luật và công tác tuyển dụng của Công ty.
- Giám sát toàn bộ hoạt động mua sắm vật tư, thiết bị và vật tư dùng cho sản xuất cũng như thanh lý, nhượng bán vật tư, thiết bị của Công ty.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019.
- Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

- Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi với người lao động.
- Kiểm tra báo cáo tài chính 2019.
- Kiểm tra việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, quy định,... của Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và ban Giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Trong năm 2019, lương và các khoản thù lao của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã chi trả là: 760.051.409 đồng. Trong đó:

- Ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD là: 180.794.200 đồng.
- Ông Phạm Quang Anh - Phó Tổng GD, Ủy viên HĐQT là: 102.777.800 đồng.
- Ông Nguyễn Xuân Sơn- Phó Tổng GD là: 139.218.909 đồng.
- Ông Bùi Văn Khang - Phó Tổng giám đốc là: 104.995.400 đồng.
- Ông Trần Tuấn Đạt - Phó Tổng GD, Ủy viên HĐQT là 135.053.500 đồng.
- Trần Thị Phương Linh- Phó Tổng GD là: 9.211.600 đồng.
- Ông Nguyễn Thành Phú - Ủy viên HĐQT là: 16.500.000 đồng.
- Ông Nguyễn Khắc Lâm - Ủy viên HĐQT là: 16.500.000 đồng.
- Ông Tạ Đức Thiệm - Trưởng ban kiểm soát là: 33.000.000 đồng.
- Bà Đỗ Thị Thanh Yên - Thành viên BKS là: 11.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Xuân Lâm - Thành viên BKS là: 11.000.000 đồng.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. Ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Tại Báo cáo kiểm toán số 290319.025/BCTC.KT7 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ, chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với một số vấn đề. Các vấn đề này chưa được Công ty khắc phục triệt để nên vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty, cụ thể như sau:

-Một số khoản công nợ phải thu, phải trả, vay và nợ thuê tài chính của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Trong đó: Số nợ phải thu chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 01/01/2019 và ngày 31/12/2019 lần lượt là 22,17 tỷ đồng và 34,340 tỷ đồng; Số nợ phải trả chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 01/01/2019 và ngày 31/12/2019 lần lượt là 156,753 tỷ đồng và 128,637 tỷ đồng. Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi không đánh giá được tính chính xác, tính hiện hữu, dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập, lãi vay quá hạn thanh toán phát sinh và ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

-Tại thời điểm 01/01/2019 và 31/12/2019, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 334,028 tỷ đồng và 423,117 tỷ đồng, lỗ lũy kế lần lượt là 205,194 tỷ đồng và 271,618 tỷ đồng, tương ứng 164% và 217% vốn góp của chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu âm 75,344 tỷ đồng và 141,768 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi chưa thu thập được đủ bằng chứng tin cậy về khả năng cải thiện tình hình kinh doanh, các cam kết hỗ trợ tài chính từ các cổ đông lớn và các ngân hàng, tổ chức tín dụng. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ tại 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019, Công ty đang theo dõi trên Công nợ phải thu khác đối tượng "Phải thu Ban quản lý dự án Xi măng lò quay sau quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản" số tiền lần lượt là 8 tỷ và 6,85 tỷ. Công ty sẽ tiến hành xem xét, xử lý, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trong thời gian tới.

Theo Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố khấu hao Dây chuyền sản xuất Clinker theo phương pháp đường thẳng.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Có bản báo cáo tài chính kèm theo.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật



của Công ty

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC
Triệu Quang Thuận

Số: 87/BC-XMPT

Thanh Ba, ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 12 – TT.Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ

- Điện thoại: 02103.885.310 Fax: 02103.884.023

- Vốn điều lệ: 125.000.000.000,0 đồng

- Mã chứng khoán: PTE

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

Thông tin về các cuộc họp và các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

TT	Số.Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	108/NQ-ĐHĐCĐ	24/05/2019	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

I. Hội đồng Quản trị (báo cáo năm 2019).

1. Thông tin về các thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HDQT kiêm TGD		13/13	100	
2	Phạm Quang Anh	Ủy viên HDQT - Phó TGD		13/13	100	

3	Trần Tuấn Đạt	Ủy viên HDQT - Phó TGD		10/13	76,92	
4	Nguyễn Khắc Lâm	Ủy viên		3/13	23,07	
5	Nguyễn Thành Phú	Ủy viên		12/13	92,3	

2. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị thường xuyên thực hiện các hoạt động giám sát với Ban Tổng Giám đốc. Các thành viên HDQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành các hoạt động của Công ty ngoài các cuộc họp định kỳ.

Việc giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc gửi các thành viên HDQT. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HDQT.

2. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	05-/NQ-HDQT	08/01/2019	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 12/2018 và HDQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 01 năm 2019; TGD xin ý kiến HDQT vv ủng hộ 150 m ³ đá và 20 tấn xi măng để xây dựng công trình tâm linh phục vụ cộng đồng
2	24/NQ-HDQT	11/02/2019	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 1/2019 và HDQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 02 năm 2019
3	31-Tr.NQ-HDQT	26/02/2019	TGD xin ý kiến HDQT về việc điều chuyển nhân sự quản lý và tổ chức sắp xếp lại phòng ban
4	45/NQ-HDQT	04/03/2019	- TGD báo cáo kết quả SXKD

			tháng 02 và HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 3 năm 2018
5	55/NQ-HĐQT	18/03/2019	HĐQT thông qua việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội cổ đông thường niên năm 2019
6	72-Tr-NQ/HĐQT	04/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> - TGD báo cáo KQSXKD tháng 03 năm 2019 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 04/2019 - HĐQT thảo luận, đóng góp ý kiến về nội dung các văn bản, báo cáo trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - HĐQT đưa ra hướng giải quyết các vướng mắc tại Chi nhánh vận tải tiêu thụ và chi nhánh khai thác phụ gia - HĐQT xin ý kiến các thành viên HĐQT về việc tăng vốn chủ sở hữu 50,0 tỷ đồng; - TGD xin ý kiến HĐQT về việc ủng hộ hội phật giáo tỉnh phú thọ 100 tấn xi măng - HĐQT xin ý kiến các thành viên về việc Ông Phạm Quang Anh Phó TGD xin chấm dứt hợp đồng lao động
7	90/NQ-HĐQT	06/05/2019	<ul style="list-style-type: none"> - TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 04 năm 2019 và HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 05 năm 2019 - HĐQT thông qua chương

			trình tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và nội dung các báo cáo trình trước đại hội
8	110/QĐ-HĐQT	25/05/2019	Quyết định về việc chi trả thù lao HĐQT và ban kiểm soát năm 2019
9	111/QĐ-HĐQT	25/05/2019	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2019
10	118/NQ-HĐQT	03/06/2019	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 05 năm 2019 và HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 06 năm 2019 - HĐQT thông qua Tờ trình số 08/TTr-QLDA ngày 30/05/2019 của Ban QLDA về việc di dời 08 hộ dân gần khu vực sản xuất của Công ty.
11	131/QĐ-HĐQT	18/06/2019	Bổ nhiệm Phó TGD Công ty
12	144/NQ-HĐQT	22/06/2019	Vv hợp tác đầu tư cải tạo công suất lò nung và lắp 01 trạm nghiền xi măng công suất tối đa 120 tấn/giờ
13	158/NQ-HĐQT	04/07/2019	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 06/2019 - HĐQT thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 07/2019 - Các thành viên HĐQT thảo luận thông qua chủ trương hợp tác đầu tư cải tạo công suất lò nung clinker + lắp 01 trạm nghiền xi măng công suất tối đa 120 tấn/giờ và bổ sung đóng góp

			ý kiến vào phương án trả nợ đối với các ngân hàng
14	167/NQ-HĐQT	11/07/2019	V/v: xử lý, thanh lý đầu thải và sắt phế liệu
15	179-Tr.NQ	19/07/2019	Ban QLDA và Phòng TCKT công ty báo cáo với HĐQT công tác quyết toán dự án xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày
16.	205/NQ-HĐQT	12/08/2019	Nghị quyết HĐQT về việc hỗ trợ xi măng cùng UBND huyện Thanh Ba nâng cấp, mở rộng đoạn đường từ tỉnh lộ 314 tại km 10 + 300 hướng đi xã Yên Nội, Thanh Xá, Hoàng Cương
17	230-NQ/HĐQT	04/09/2019	<ul style="list-style-type: none"> - TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 08/2019 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 09/2019 - TGD xin ý kiến HĐQT về chủ trương sản xuất xi măng xây trát - HĐQT thông qua tờ trình số 227/TTr-TGD, ngày 29/08/2019 về việc thành lập ban QLDA đầu tư xây dựng nâng cao năng suất hệ thống lò nung và cải tạo trạm nghiền xi măng công suất 600.000 tấn xi măng /năm - HĐQT thông qua tờ trình số 11/TTR-KHĐT, ngày 03/0/2019 của Phòng KHĐT Công ty CP xi măng Phú Thọ về việc mua lại nhà đất của Ông Trần Quốc Huy

18	231/QĐ-HĐQT	04/09/2019	Quyết định thành lập ban QLDA đầu tư xây dựng nâng cao năng suất hệ thống lò nung và cải tạo trạm nghiền xi măng cô suất 600.000 tấn xi măng /năm
19	241/QĐ-HĐQT	16/09/2019	Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng Công ty;
20	271/NQ-HĐQT	02/10/2019	Nghị quyết HĐQT về việc Đầu tư lắp đặt máy đóng bao 08 vôi và hệ thống băng tải xuất thẳng xi măng bao
21	237/NQ-HĐQT	04/11/2019	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 10 năm 2019 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 11 năm 2019
22	253/NQ-HĐQT	25/11/2019	- TGD xin ý kiến HĐQT về việc cơ cấu, phương án, lộ trình trả nợ; ký hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung với ngân hàng
23	264/NQ-HĐQT	03/12/2019	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 11 năm 2019 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 12 năm 2019 - TGD xin ý kiến HĐQT về việc điều chuyển nhân sự quản lý
24	265/QĐ-HĐQT	03/12/2019	Quyết định điều chuyển nhân sự quản lý
25	266/QĐ-HĐQT	03/12/2019	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Nhà máy XMVP

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 điều 6 luật chứng khoán.

1. Danh sách người có liên quan của Công ty (có danh sách kèm theo)

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan.

(Có danh sách kèm theo.)

2. Giao dịch cổ phiếu.

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu Công ty niêm yết: *Không có giao dịch*

3. Các giao dịch khác: Không có

V. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có

Xác nhận của người đại diện pháp
luật của Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Triệu Quang Thuận

Thanh Ba, ngày 31 tháng 03 năm 2020

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số giấy NSH* ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người liên quan	Lý do
1	Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	130812714, cấp ngày 14/05/2007, CA Phú Thọ	Khu 12 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			
2	Phạm Quang Anh	Thành viên HĐQT; Phó TGD	130603261, cấp ngày 07/05/2007, CA Phú Thọ	Khu 5 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			
3	Trần Tuấn Đạt	Thành viên HĐQT; Trợ lý TGD	131083162, cấp ngày 06/01/2010, CA Phú Thọ	Khu 4 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			
4	Nguyễn Khắc Lâm	Thành viên HĐQT	131067298, cấp ngày 13/06/2008, CA Phú Thọ	SN 14, ngõ 48, Phó Nguyễn Chánh, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội			
5	Nguyễn Thành Phú	Thành viên HĐQT	131529282, cấp ngày 24/04/2017, CA Phú Thọ	Khu 6 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			

6	Nguyễn Xuân Sơn	Phó TGD	130114367, cấp ngày 09/10/1996 CA Phú Thọ	Khu 12 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ		
7	Tạ Đức Thiêm	Trưởng Ban KS	130836480, cấp ngày 14/05/2007, CA Phú Thọ	Khu 12 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ		
8	Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên ban KS	131020921, Cấp ngày 10/02/2009, CA Phú Thọ	Khu 11 thị trấn Thanh Ba-huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ		
9	Trần Xuân Lâm	Thành viên ban KS	142238451, cấp ngày 19/04/2002,	Mình tân - Kim môn - Hải Dương		
10	Vũ Anh Phương	Trưởng Phòng TCKT kiêm Phụ trách kế toán	131286859, cấp ngày 25/03/2003, CA Phú Thọ	Vân Cơ - TP Việt Tri - Phú Thọ		
11	Nguyễn Lam	Người được ủy quyền Công bố thông tin	131212374, 06/03/2006, CA Phú Thọ	Ninh Dân – Thanh Ba – Phú Thọ		

Xác nhận của người đại diện pháp luật
của Công ty



 CHỨC VỤ: CHỨC VỤ KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Trần Quang Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Công ty Nếu có	Số CMND/Hộ chiếu; ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Triệu Quang Thuận			Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	130812714, cấp ngày 14/05/2007, CA Phú Thọ	Khu 12 thị trấn Thanh Ba - huyện Thanh Ba - tỉnh Phú Thọ	742.250	6,12%
	Triệu Văn Long	Bố đẻ						
	Triệu Thị Chua	Mẹ đẻ						
	Trần Thị Phương Linh	Vợ		Phó Giám đốc Chi nhánh KTNVL			180.560	
	Triệu Quang Thắng	Con					100.000	
	Triệu Phương Thanh	Con						
	Triệu Thị Hồng	Chị ruột						
Triệu Thị Vân	Chị ruột							
Triệu Thị Thòà	Em ruột							
Triệu Quang Thao	Em ruột			Đội trưởng đội xe			1.050	
Triệu Quốc Hùng	Em ruột			Lái xe			1.500	
Triệu Thị Hoa	Em ruột							
2	Phạm Quang Anh			TV HĐQT - Phó TGD	130603261, cấp ngày 07/05/2007, tại CA Phú Thọ		125.682	
	Nguyễn Thị Cài	Mẹ đẻ						
	Nguyễn Thị Yên	Vợ						
Phạm Quang Đức	Em ruột			Phó Phòng KHDĐT			1.800	

	Phạm Thị Yên	Em ruột							
	Phạm Quang Thanh	Em ruột						1.600	
	Phạm Thị Vương	Em ruột							
	Phạm Thị Thu Hằng	Con ..							
	Phạm Thị Ngọc Mai	Con							
	Phạm Quang Phú	Con							
3	Trần Tuấn Đạt				TV HDQT, Phó Tổng GD	131083162, cấp ngày 06/01/2010, CA Phú Thọ		885.550	
	Trần Xuân Trà	Bố đẻ							
	Vũ Thị Thủy	Mẹ đẻ							
	Trần Thị Phương Linh	Chị ruột							
	Trần Anh Sơn	Em ruột							
	Trần Thị Thùy Liên	Em ruột							
	Hoàng Thị Hoa Lý	Vợ							
	Trần Thị Linh Trang	Con							
4	Nguyễn Khắc Lâm				TV HDQT	131067298, cấp ngày 13/06/2008, CA Phú Thọ		145.000	
	Kiều Thị Duệ	Mẹ đẻ							
	Lê Thị Minh Hà	Vợ							
	Nguyễn Quỳnh Hoa	Con							
	Nguyễn Khắc Việt	Con							
5	Nguyễn Thành Phú				TV HDQT	131529282, cấp ngày 21/04/2017		502.650	
	Trần Thị Mai	Vợ							
	Nguyễn Thị Phương Thảo	Con							
	Nguyễn Hoàng Vinh	Con							

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: *MM* /QĐ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 25 tháng 05 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2019

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

- Căn cứ vào luật doanh nghiệp số 68/2014/QH-13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP xi măng Phú Thọ;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2019 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Sản xuất Clinker: 260.000 tấn.
- Sản xuất và tiêu thụ xi măng các loại: 280.000 tấn.
- Tiêu thụ clinker: 59.712 tấn
- Sản xuất đá để làm xi măng: 230.000 m³.
- Doanh thu: 295,896 tỷ đồng.
- Kết quả SXKD: Lỗ (7,675) tỷ đồng.

Điều 2. Tổng Giám đốc, các Phó TGD, Kế toán Trưởng Công ty và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu Thư ký Công ty.



Triệu Quang Thuận

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		84.097.025.234	97.314.120.964
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	238.330.007	15.448.007.059
111	1. Tiền		238.330.007	15.448.007.059
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		36.277.497.451	30.942.485.625
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	19.746.160.229	11.264.197.933
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	7.544.919.754	8.663.491.004
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	13.858.925.511	16.449.150.323
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.022.516.106)	(5.584.361.698)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	08	150.008.063	150.008.063
140	III. Hàng tồn kho	10	43.830.672.583	45.464.327.722
141	1. Hàng tồn kho		43.830.672.583	45.464.327.722
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.750.525.193	5.459.300.558
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	3.645.105.209	3.756.523.684
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		105.419.984	1.618.589.743
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	-	84.187.131
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		375.306.668.538	395.661.305.162
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		105.000.000	105.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	105.000.000	105.000.000
220	II. Tài sản cố định		341.905.526.213	361.740.973.883
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	341.905.526.213	361.740.973.883
222	- Nguyên giá		584.278.480.580	578.939.060.263
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(242.372.954.367)	(217.198.086.380)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	-	-
228	- Nguyên giá		160.000.000	160.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(160.000.000)	(160.000.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	11	18.910.571.396	18.764.024.685
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		18.910.571.396	18.764.024.685
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.575.587.519	1.483.121.162
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		500.000.000	500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.000.000.000	3.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.924.412.481)	(2.016.878.838)
260	V. Tài sản dài hạn khác		12.809.983.410	13.568.185.432
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	12.809.983.410	13.568.185.432
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		459.403.693.772	492.975.426.126

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		601.172.135.555	568.319.548.955
310	I. Nợ ngắn hạn		507.214.082.722	431.341.739.333
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	134.659.578.844	129.622.426.706
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	14.372.549.268	10.857.671.079
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	10.470.499.420	6.769.835.810
314	4. Phải trả người lao động		10.459.851.696	8.320.325.773
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	51.019.621.229	42.865.585.078
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	5.080.071.497	1.069.327.664
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	117.584.034.735	107.258.059.033
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	163.567.876.033	124.578.508.190
330	II. Nợ dài hạn		93.958.052.833	136.977.809.622
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	93.958.052.833	136.977.809.622
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(141.768.441.783)	(75.344.122.829)
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	(141.768.441.783)	(75.344.122.829)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		125.000.000.000	125.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		125.000.000.000	125.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.212.934.000	3.212.934.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(3.692.240.000)	(3.692.240.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		5.328.707.922	5.328.707.922
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(271.617.843.705)	(205.193.524.751)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(206.869.694.538)	(169.678.249.545)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(64.748.149.167)	(35.515.275.206)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		459.403.693.772	492.975.426.126

Người lập biểu

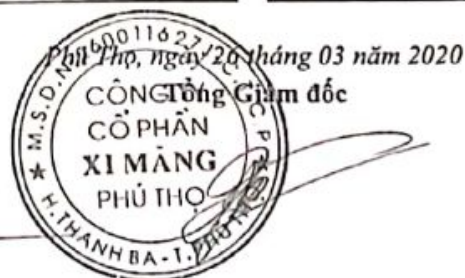


Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng



Vũ Anh Phương



Triệu Quang Thuận

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2018 (Đã điều chỉnh)	
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	225.418.429.839		250.918.891.148	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	2.413.363.071		3.024.845.088	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		223.005.066.768		247.894.046.060	
11	4. Giá vốn hàng bán	26	235.833.498.458		232.147.141.806	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(12.828.431.690)		15.746.904.254	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	131.028.451		7.149.361	
22	7. Chi phí tài chính	28	28.888.215.475		29.118.324.929	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		28.980.681.832		25.778.545.485	
25	8. Chi phí bán hàng	29	5.472.282.373		7.863.772.739	
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	12.961.118.763		14.056.549.707	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(60.019.019.850)		(35.284.593.760)	
31	11. Thu nhập khác	31	26.645.900		46.012.530	
32	12. Chi phí khác	32	4.755.775.217		276.693.976	
40	13. Lợi nhuận khác		(4.729.129.317)		(230.681.446)	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(64.748.149.167)		(35.515.275.206)	
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	-		-	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(64.748.149.167)		(35.515.275.206)	
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	(5.338)		(2.928)	

Người lập biểu



Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng



Vũ Anh Phương

Phú Thọ, ngày 26 tháng 03 năm 2020



Trưởng Giám đốc

Triệu Quang Thuận